

Số: /QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển, tại phường 12, thành phố Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị; Luật Kiến trúc được hợp nhất tại Văn bản số 11/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 đã được hợp nhất tại Văn bản số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị được hợp nhất tại Văn bản số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã được hợp nhất tại Văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Quy định quản lý kèm theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 450/TB-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về Kết luận tại cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu Khoa học và Công nghệ biển, tại phường 12, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 1724-TB/TU ngày 24/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu về một số đề xuất sau chuyển công tác Thụy Sỹ và Pháp;

Căn cứ Thông báo số 397/TB-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh về Kết luận nội dung cuộc họp Thường trực UBND tỉnh ngày 01/07/2019;

Căn cứ Thông báo số 7273/TB-UBND ngày 11/9/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu về Kết luận cuộc họp Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Vũng Tàu ngày 11/9/2020;

Căn cứ Văn bản của các Sở ngành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu góp ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển: Văn bản số 629/SDL-QLPTDL ngày 14/5/2020 của Sở Du lịch; Văn bản số 1748/SXD-QHKT ngày 19/5/2020 của Sở Xây dựng; Văn bản số 3303/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 1210/SGTVT-KHTC ngày 20/5/2020 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 1499/SNN-NVTH ngày 28/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 477/SKHHCN-QLCN ngày 30/6/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ; Văn bản số 2267/SKHĐT-XH ngày 31/7/2020 của Sở Kế hoạch đầu tư;

Trên cơ sở phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển được UBND Phường 12 tổng hợp kết quả lấy ý kiến tại Văn bản số 912/UBND-ĐC ngày 15/6/2020;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Tờ trình số 54/TTr-SKHHCN ngày 25/8/2020 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển, tại phường 12, thành phố Vũng Tàu và Báo cáo số 2892/BC-QLĐT ngày 21/9/2020 của phòng Quản lý đô thị về việc thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển, tại phường 12, thành phố Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển, tại phường 12, thành phố Vũng Tàu với nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có phạm vi, ranh giới như sau:

- Phía Bắc : giáp Sông Cỏ May;
- Phía Nam : giáp Lạch sông Dinh;
- Phía Đông : giáp Lạch sông Cỏ May và dự án đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu;
- Phía Tây : giáp Sông Dinh.

Thuộc địa phận phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Quy mô và tính chất:

- Quy mô: diện tích khoảng 102.311m² (10,231ha).
- Quy mô phục vụ: khoảng 450 - 600 người.
- Tính chất: là Khu khoa học và công nghệ biển của tỉnh, trong đó tập trung vào lĩnh vực Hải dương học và khoa học công nghệ về biển, gắn ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ với bảo tồn đa dạng tự nhiên, phát triển du lịch, tham quan học tập và giáo dục cộng đồng.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng mặt bằng khu đất lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, cơ cấu quỹ đất được phân thành các loại sau:

- Đất xây dựng công trình: $\leq 5\%$;
- Đất cây xanh, mặt nước: $\geq 80\%$;
- Đất giao thông, bãi đỗ xe: $\leq 15\%$.

4. Phân khu chức năng:

Tổng mặt bằng khu đất lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phân thành các khu chức năng như sau:

- Đất xây dựng công trình gồm: công trình chính phục vụ tham quan triển lãm, các công trình phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn, trụ sở làm việc, khu điều hành cho toàn khu,...được chia làm 04 khu:

- + Khu I: Khu Hải dương học;
 - + Khu II: Khu Nghiên cứu ứng dụng, chuyên giao công nghệ, triển khai thực nghiệm và hỗ trợ khởi nghiệp;
 - + Khu III: Khu Bảo tồn sinh thái tự nhiên rừng ngập mặn;
 - + Khu IV: Các công trình phụ trợ, bên nội bộ.
- Đất cây xanh, mặt nước.

- Đất giao thông, bãi đỗ xe và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Theo QCXDVN quy định và sẽ được xác định trong đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Áp dụng theo TCXDVN quy định cho từng hạng mục công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch (công trình văn hóa triển lãm, trụ sở cơ quan, văn phòng...).

- Mật độ xây dựng: Theo QCXDVN quy định.

- Kiến trúc công trình, tầng cao xây dựng sẽ được xem xét trong hồ sơ đồ án thiết kế quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Hệ thống công năng kỹ thuật nghiên cứu thủy hải sản Khu Hải dương; Khu Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, triển khai thực nghiệm và hỗ trợ khởi nghiệp (ao nuôi); Khu Bảo tồn sinh thái tự nhiên rừng ngập mặn quy hoạch chi tiết phải đảm bảo phù hợp theo QCVN 02-19:2014/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản và các quy định hiện hành khác

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: cấp điện, cấp nước, thoát nước,...căn cứ theo Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch san nền:

- Xác định cao độ xây dựng: Dựa trên cao độ thực tế địa hình

- Tính toán khối lượng đào đắp.

- Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật như taluy, tường chắn, ổn định công trình, phòng chống ngập úng cục bộ.

- Thiết kế mạng lưới thoát nước mưa.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung vào hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Dự báo lưu lượng thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

- Các giải pháp và phương án thiết kế.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

c) Quy hoạch giao thông:

- Tổ chức mạng lưới đường, phân loại đường theo chức năng, xác định mặt cắt và các thông số kỹ thuật.

- Thiết kế chỗ đỗ xe, chỗ quay đầu xe.

- Tính toán các chỉ tiêu KTKT của mạng lưới và các tuyến.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

d) Quy hoạch cấp nước:

- Xác định chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước;
- Quy mô các công trình cấp nước;
- Các giải pháp cấp nước;
- Thiết kế mạng lưới cấp nước (chỉ cho cấp nước tập trung);
- Tính toán kinh phí đầu tư.

e) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Nghiên cứu hệ thống thoát nước chung, đảm bảo không gây ngập úng cho khu vực trong quá trình thực hiện dự án.

- Xác định chỉ tiêu khối lượng nước thải và chất thải rắn.
- Quy hoạch thoát nước mưa.
- Thiết kế mạng lưới thoát và xử lý nước thải.
- Tổ chức thu gom và xử lý chất thải rắn.
- Dự kiến phân đợt xây dựng và tính toán kinh phí đầu tư

f) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

- Xác định chỉ tiêu, nhu cầu sử dụng điện.
- Chỉ tiêu cấp điện công trình.
- Chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng.
- Thiết kế mạng lưới cấp điện công trình và chiếu sáng đường, sân vườn, khuôn viên cây xanh.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

g) Quy hoạch thông tin liên lạc - cáp truyền hình:

- Xác định chỉ tiêu, nhu cầu sử dụng thông tin liên lạc và cáp truyền hình;
- Các giải pháp và phương án thiết kế;
- Tính toán kinh phí đầu tư.

h) Quy hoạch cây xanh:

- Thiết kế quy hoạch các khu vực trồng cây xanh;
- Xác định các loại cây xanh phù hợp với quy hoạch cây xanh thành phố Vũng Tàu;

- Xác định chi phí trồng cây xanh.

(Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật được thể hiện trong các bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kèm theo Quyết định phê duyệt và sẽ được thiết kế cụ thể chi tiết trong hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật thi công công trình, trên cơ sở thỏa thuận đấu nối với các cơ quan quản lý chuyên ngành).

7. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa giữa khu vực quy hoạch và khu vực hiện hữu, tạo các điểm nhấn kiến trúc ở các vị trí có tầm hình và

không gian lớn. Tạo không gian kiến trúc hiện đại, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, hướng đến bảo tồn hệ sinh thái hiện hữu của khu vực quy hoạch.

- Tổ chức hệ thống giao thông, các hướng tiếp cận phù hợp, thuận tiện và an toàn, đảm bảo tính kết nối các không gian, các công trình trong các khu chức năng với nhau.

- Xác định và cụ thể hóa công trình điểm nhấn trong khu quy hoạch. Nghiên cứu công trình chính theo các hướng, tầm nhìn khác nhau; tầng cao xây dựng công trình cho từng phân khu còn lại; khoảng lùi của công trình.

- Thiết kế tổng mặt bằng đảm bảo phân chia các khu vực hợp lý, thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động tham quan, nghiên cứu, du lịch.

- Các hạng mục phụ trong dự án cần nghiên cứu đề xuất hình thức, mô típ kiến trúc tương đồng với công trình chính để tạo được quần thể kiến trúc hài hòa, đồng bộ cảnh quan khu vực.

8. Yêu cầu về kết nối hạ tầng kỹ thuật:

- Việc lập quy hoạch khu chức năng phải ưu tiên theo hướng tận dụng khai thác tiềm năng, khai thác tối ưu những điều kiện tự nhiên sẵn có theo hướng cộng sinh.

- Tổ chức không gian phù hợp với phân khu chức năng. Tận dụng địa hình tự nhiên, tránh làm thay đổi, ảnh hưởng nhiều đến tiềm năng khai thác, đến môi trường sinh thái của khu vực.

- Bố trí hệ thống kỹ thuật phù hợp với đầu nối vào quy hoạch chung, quy phân khu, đạt hiệu quả cao về thẩm mỹ, về đầu tư và khai thác sử dụng.

- Ưu tiên khai thác, tận dụng các công trình hiện hữu nghiên cứu, tổ chức thêm những chức năng còn thiếu phù hợp với quy chuẩn, quy phạm đề ra, phù hợp với tình hình phát triển thực tế của địa phương.

9. Đánh giá môi trường chiến lược, tác động môi trường:

- Tuân thủ quy định hiện hành về đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch chi tiết.

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường;

- Đề xuất các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trước khi lập thủ tục đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

10. Dự kiến các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng:

- a) Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng.
- b) Các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng.

11. Hồ sơ sản phẩm:

Yêu cầu nội dung, quy cách và thành phần hồ sơ theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã được hợp nhất tại Văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù

11.1. Thành phần bản vẽ:

a) Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, được trích từ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung xây dựng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500.

b) Bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

c) Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

d) Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

đ) Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

e) Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có). Tỷ lệ thích hợp.

g) Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

h) Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

i) Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

k) Các bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch: Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

l) Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

11.2. Thuyết minh: Nội dung thuyết minh của hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá các Điều kiện tự nhiên và hiện trạng khu đất lập quy hoạch chi tiết xây dựng; xác định các vấn đề liên quan cần được giải quyết trong đồ án quy hoạch chi tiết.

b) Xác định chỉ tiêu về dân số, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho khu vực quy hoạch; chỉ tiêu sử dụng đất và yêu cầu về kiến trúc công trình đối với từng lô đất; bố trí mạng lưới các công

trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới lô đất.

c) Xác định vị trí, quy mô và quy định các khu đặc trưng cần kiểm soát.

d) Quy định hoặc đề xuất giải pháp thiết kế công trình cụ thể.

đ) Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP.

e) Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

- Thuyết minh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

11.3. Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán và các văn bản pháp lý liên quan).

11.4. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng: Nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và phải có các sơ đồ kèm theo.

11.5. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án.

11.6. Số lượng hồ sơ:

- 03 đĩa CD bao gồm toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch.

- Số lượng sản phẩm quy hoạch được lập: 10 bộ.

12. Chi phí lập quy hoạch và nguồn vốn:

a) Chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Khoa học và Công nghệ biển theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, cụ thể:

| | | |
|--|---|-------------------------|
| - Chi phí lập quy hoạch | : | 460.724.000 đồng; |
| - Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch | : | 53.084.000 đồng; |
| - Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch | : | 43.559.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý nghiệp vụ đồ án quy hoạch | : | 38.910.000 đồng; |
| - Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch | : | 9.651.000 đồng; |
| - Chi phí công bố quy hoạch | : | 12.565.000 đồng; |
| - Chi phí lấy ý kiến cộng đồng góp ý quy hoạch | : | 8.376.000 đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : | 62.687.000 đồng. |
| Tổng cộng | : | 689.556.000 đồng |

(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng)

b) Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

13. Tiến độ thực hiện: Thời gian lập đồ án quy hoạch chi tiết không quá 06 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 như nhiệm vụ quy hoạch đã được duyệt và đúng với các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND Phường 12; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh BR-VT (để b/c);
- TTr. Thành ủy Vũng Tàu (để b/c);
- TTr. HĐND và UBND TPVT;
- Các Sở: XD, TN&MT, TC, GT-VT, KH&ĐT, NN&PTNT, DL;
- Ban biên tập trang thông tin điện tử TPVT;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Thuận